UBND TỈNH ĐẮK NÔNG **SỞ LAO ĐỘNG** **THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1701/KH-SLĐTBXH	*Đắk Nông, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

KẾ HOẠCH
Ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị năm 2020.

Thực hiện xây dựng Kế hoạch định kỳ hằng năm về ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị năm 2020 với những nội dung cụ thể như sau:

I. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Môi trường pháp lý

*** Mặt đạt được:**

- Đã xây dựng quy hoạch tổng thể, xây dựng các kế hoạch, chính sách thực hiện ứng dụng và nâng cao tiếp nhận CNTT mới trong việc giải quyết công việc chuyên môn nhanh nhất, hiệu quả nhất, nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin và áp dụng chữ ký số trong việc xử lý văn bản của đơn vị.

- Xây dựng quy trình về việc trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong nội bộ cơ quan trên môi trường mạng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến của đơn vị.

*** Mặt chưa làm được:**

Việc bảo mật dữ liệu còn gặp nhiều khó khăn, chưa có hệ thống tường lửa đủ mạnh để đảm bảo an ninh mạng cho hệ thống thông tin

Hệ thống máy chủ, máy trạm đã cũ, lỗi thời dẫn đến việc trao đổi thông tin, dữ liệu còn bị gián đoạn. Vì cấu hình máy quá yếu dẫn đến không thể nâng cấp các ứng dụng, cập nhật thông tin.

2. Hạ tầng kỹ thuật

*** Hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đang sử dụng:**

- Ứng dụng CNTT tại đơn vị hiện nay đã có chuyển biến về nhận thức lẫn đầu tư thực tiễn; đơn vị đã trang bị máy vi tính làm việc 45 máy tính/51 công chức để làm việc (*mỗi cán bộ được cấp một máy vi tính*), 100% công chức biết sử dụng máy vi tính để làm việc; có hai hệ thống máy chủ; có kết nối Internet. Đơn vị sử

dụng Hộp thư điện tử công vụ và phần mềm Văn phòng điện tử - iOffice để gửi nhận văn bản và trao đổi công việc.

- Đáp ứng nhu cầu thực hiện việc hệ số hóa cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin lưu trữ của đơn vị được đảm bảo an toàn.

*** Mặt hạn chế của cơ sở hạ tầng CNTT đang sử dụng:**

- Máy chủ của đơn vị được cấp theo chương trình dự án có thời gian sử dụng đã lâu, cấu hình máy chủ thấp và nhiều lần hư hỏng phải sữa chữa, chưa được nâng cấp nên việc phục vụ công tác điều hành, tác nghiệp gặp nhiều khó khăn.

- Kinh phí dùng để đầu tư mua máy tính mới nhằm mục đích thay thế các máy tính cũ đã lâu gặp nhiều khó khăn khi không có nguồn, dẫn đến việc đơn vị phải sử dụng nguồn tự chủ để trang bị máy tính cho chuyên viên; trong khi nguồn tự chủ đảm bảo của đơn vị được cấp về ít, phải phục vụ cho nhiều nhiệm vụ chuyên môn khác nhau nên không đủ để đầu tư một lúc đồng bộ; dẫn đến việc máy tính mua hàng năm bố trí một vài chiếc, mua máy mới thay máy cũ theo hình thức cuốn chiếu, không theo kịp công nghệ mới.

3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước

*** Mặt đạt được:**

- Giám đốc Sở đã trực tiếp chỉ đạo về việc ứng dụng CNTT tại đơn vị, nên việc ứng dụng CNTT trong hoạt động xử lý công việc nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp với cơ quan được công chức đồng tình hưởng ứng, thực hiện.

- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai chương trình ứng dụng này với chương trình cải cách hành chính.

- Đơn vị đã xây dựng các chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT vào trong các hoạt động của cơ quan.

- Hoạch định một cách tổng thể về việc ứng dụng CNTT của đơn vị nhằm quản lý thông tin tổng thể, tiến tới xây dựng cơ quan điện tử.

- Áp dụng các hệ thống ứng dụng CNTT thông minh khác trong công tác nội bộ theo hướng hiệu quả, mở rộng kết nối.

*** Mặt hạn chế trong việc ứng dụng CNTT trong nội bộ:**

- Trình độ ứng dụng CNTT ở một số cán bộ lớn tuổi còn hạn chế và chưa bắt kịp với công nghệ mới.

- Một số máy tính đã mua có thời gian sử dụng lâu và nhiều lần sửa chữa nên đang xuống cấp, chạy chậm làm ảnh hưởng tới năng suất công việc.

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Cổng thông tin của đơn vị đã cung cấp 100% thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp thuận tiện và nhanh chóng, tạo sức loan tỏa thông tin tích cực cho người dân.

- Triển khai các công nghệ mới nhằm khuyến khích, hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến của đơn vị.

- Phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp tại đơn vị; bảo đảm triển khai đồng bộ với việc phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đơn vị; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin.

- Tuyên truyền và nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

5. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao cảnh giác và cách phòng tránh các phần mềm độc hại lây nhiễm, đánh cắp dữ liệu trên máy vi tính cá nhân cho công chức để chủ động phòng tránh, bảo mật các thông tin của mình được tốt hơn.

- Tuyên truyền, phổ biến về Luật An toàn thông tin mạng; Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 25/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia; Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

- Ban hành các công văn cảnh báo, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến an toàn thông tin, hiểu rõ an toàn thông tin là sự bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin tránh bị truy cập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin. Nguy cơ mất an toàn thông tin là những nhân tố bên trong hoặc bên ngoài hệ thống thông tin có khả năng ảnh hưởng tới trạng thái an toàn thông tin.

- Bảo đảm an toàn thông tin bao gồm các hoạt động nhằm bảo vệ tính bảo mật, tính toàn vẹn, tính sẵn sàng của thông tin.

- Đánh giá hiện trạng và khả năng bảo đảm an toàn thông tin mạng của các hệ thống thông tin và các đối tượng cần bảo vệ; đánh giá, dự báo các nguy cơ, sự cố, tấn công mạng có thể xảy ra với các hệ thống thông tin và các đối tượng cần bảo vệ; đánh giá dự báo các hậu quả, thiệt hại, tác động có thể có nếu xảy ra sự cố; đánh giá về hiện trạng phương tiện, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ, nhân lực, vật lực phục vụ đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố.

- Mua sắm, nâng cấp hệ thống trang thiết bị máy móc hiện đại mới.

- Nâng cấp Trang thông tin điện tử, mua các phần mềm bản quyền bảo vệ cơ sở dữ liệu cho máy tính cá nhân, máy chủ.

6. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

- Đơn vị đã bố trí cán bộ CNTT làm công tác quản lý và sử dụng trang thông

tin điện tử.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng về ứng dụng CNTT cho công chức, người lao động trong đơn vị.

- Thường xuyên cho cán bộ phụ trách CNTT tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, hội nghị liên quan tới công tác CNTT để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Công chức quản lý CNTT đã xây dựng các quy chế, chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT của đơn vị sát thực tế theo yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2020

1. Căn cứ lập kế hoạch

- Luật CNTT số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006.

- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

- Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015.

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ.

- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 các bộ, ngành, địa phương triển khai năm 2017.

- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020.

- Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0.

- Quyết định số 682/QĐ-UBND, ngày 04/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh

về việc phê duyệt "Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến 2025".

- Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông phiên bản 1.0.

- Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

2. Mục tiêu

a. Mục tiêu chung

Trong năm 2020, việc triển khai ứng dụng CNTT tập trung thực hiện hoàn thành các mục tiêu chính sau đây:

- Phối hợp triển khai mô hình "một cửa điện tử" tại tất cả Ủy ban nhân dân cấp huyện và một số Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Đẩy mạnh sử dụng Chữ ký số, Chứng thư số; 100% các văn bản ban hành đến các cơ quan trên địa bàn tỉnh điều sử dụng Chữ ký số, Chứng thư số từ đó làm cơ sở để triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Xây dựng triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và dùng chung của tỉnh một cách đồng bộ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử đã được phê duyệt, đảm bảo khả năng kết nối, liên thông.

- Chú trọng triển khai các nội dung ứng dụng CNTT, góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn với quá trình cải cách hành chính, tăng cường sử dụng hồ sơ, văn bản điện tử, lưu trữ điện tử; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính nhà nước của tỉnh, góp phần nâng cao tính công khai minh bạch, thông tin quản lý của tỉnh nhằm cải thiện các chỉ số: Chính quyền điện tử, mức độ sẵn sàng ứng dụng CNTT, cải cách hành chính của tỉnh.

b. Mục tiêu cụ thể

Tăng cường tiếp nhận, xử lý hồ sơ điện tử trên môi trường mạng, phấn đấu 30% hồ sơ được xử lý dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 10% dịch vụ công trực

tuyến mức độ 4.

Trao đổi 100% văn bản điện tử và sử dụng chứng thư số, chữ ký số giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh theo quy định *(trừ các văn bản mật, tối mật)* qua Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành - iOffice của tỉnh.

Thực hiện tốt việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công ích quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Cung cấp thông tin kịp thời, thường xuyên, đầy đủ trên Trang thông tin của Sở theo quy định tại Điều 28, Luật CNTT; Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về tính minh bạch thông tin.

3. **Nội dung và nhiệm vụ chủ yếu**

a. Hạ tầng kỹ thuật CNTT

Tăng cường hơn nữa việc bảo đảm cơ sở về hạ tầng kỹ thuật của đơn vị nhằm đáp ứng công việc trao đổi thông tin; từng bước nâng cấp hệ thống máy chủ, máy trạm; phấn đấu 100% cán bộ công chức, viên chức cần thiết có máy tính có cấu hình đủ đáp ứng công việc, đường truyền kết nối Internet được nâng cấp đảm bảo ổn định, không gián đoạn, ngưng trễ; hạ tầng an toàn, an ninh thông tin được nâng cấp đảm bảo nhằm hạn chế tối đa việc tin tặc tấn công ăn cắp thông tin. Rà soát, mua sắm máy quét (scan) tự động hai mặt, máy chụp (khổ A3) để số hóa tài liệu, hồ sơ, văn bản, xử lý văn bản, hồ sơ điện tử tại văn thư cơ quan, đơn vị.

Trang bị máy tính cá nhân, máy chủ đủ mạnh để phục vụ công tác chuyên môn; loại bỏ các máy tính đã cũ, xuống cấp, sửa chữa nhiều lần, không còn đảm bảo an toàn.

Đảm bảo việc kết nối mạng nội bộ thông suốt trong đơn vị và giữa đơn vị với các đơn vị bên ngoài trong cùng hệ thống hạ tầng kỹ thuật CNTT của tỉnh.

Nâng cấp, đầu tư mua sắm, . Tăng dung lượng thuê bao đường truyền số liệu chuyên dùng trong cơ quan và đường truyền Internet bảo đảm hoạt động ổn định, tốc độ nhanh.

b. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

Tiếp tục sử dụng và nâng cấp các phần mềm đơn vị hiện có và từng bước bổ sung các phần mềm mới phù hợp cho đơn vị trong công tác quản lý, điều hành nhằm thuận tiện trong việc chỉ đạo giải quyết công việc.

Ứng dụng CNTT thông minh mới để giảm thời gian, số lần cho người dân, doanh nghiệp phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

Ứng dụng hiệu quả các CNTT mới trong hoạt động của cơ quan nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động.

Kết nối, tích hợp giữa các phần mềm đơn vị thuê phát triển với các phần mềm được cấp nhằm đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý thông tin dữ liệu.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền với nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức của công chức về các lợi ích trong việc xây dựng Chính phủ điện tử, thúc đẩy cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai dự án Chính quyền điện tử theo Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông tại Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông phiên bản 1.0.

Tiếp tục thực hiện tốt Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành – iOffice bảo đảm 100% văn bản được trao đổi, cung cấp hoàn toàn trên môi trường mạng theo Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 15/11/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định về việc sử dụng văn bản và hồ sơ điện tử trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Tiếp tục thực hiện tốt Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh để trao đổi thông tin trên môi trường mạng, bảo đảm an toàn thông tin mạng, sử dụng tài khoản người sử dụng (cán bộ) xác thực cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

Mở rộng triển khai ứng dụng CNTT vào áp dụng,duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015 (gọi là ISO điện tử) vào hoạt động của đơn vị.

c. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Cung cấp thông tin kịp thời, thường xuyên và đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của các Sở theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-Cp ngày 13/6/2011 của Chính phủ, Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyếntrên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nướcvà các thông tin khác nhằm nâng cao tính minh bạch, tiếp cận thông tin, góp phần nâng cao Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

Tiếp tục thực hiện tốt Hệ thống một cửa điện tử, Hệ thống một cửa điện tử liên thông, thông suốt theo chiều ngang (giữa Trung tâm hành chính công tỉnh với Sở) và theo chiều dọc liên thông 3 cấp (Sở, huyện, xã) xử lý hồ sơ điện tử qua mạng tại các bộ phận của Sở và Trung tâm hành chính công tỉnh phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh. Đồng thời, tích hợp với Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh để triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 theo lộ trình của Thủ tướng Chính phủ.

Tăng cường hướng dẫn, tuyên truyền cho các tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ khai thuế điện tử, nộp thuế được thực hiện trên môi trường mạng.

Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành. Cập nhật thường xuyên, đầy đủ thông tin các Hệ thống thông tin, cơ sơ dữ liệu chuyên ngành để khai thác, sử dụng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

d. Phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục cử cán bộ chuyên trách CNTT đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng an toàn thông tin theo lộ trình Chương trình phát triển nguồn nhân lực

CNTT tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 theo Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND tỉnh.

Tổ chức tuyên truyền và hướng dẫn khai thác các ứng dụng CNTT của tỉnh cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp nhằm sử dụng một cách có hiệu quả, nhất là tăng số lượng hồ sơ tiếp nhận và xử lý qua Hệ thống một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

Tiếp tục đào tạo kỹ năng về ứng dụng CNTT cho công chức, người lao động trong đơn vị sử dụng thành thạo máy vi tính.

e. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

Tiếp tục hiện đại hóa hạ tầng CNTT của đơn vị; đầu tư, nâng cấp, thay thế các trang thiết bị, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi đã lạc hậu, xuống cấp không đáp ứng được yêu cầu công việc; triển khai ứng dụng CNTT của đơn vị các cơ quan.

Đẩy mạnh việc nâng cấp, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

f. Về an toàn thông tin mạng

Rà soát, mua sắm bổ sung các thiết bị chuyển mạch (Switch), thiết bị lưu trữ dự phòng (thiết bị lưu trữ ngoài qua mạng) có tính năng bảo mật để cấu hình, thiết lập chính sách bảo mật kết nối mạng. Kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin đối với các thiết bị có kết nối Internet (như router, modem ADSL...) trước khi đưa vào sử dụng; thiết lập cấu hình an toàn thông tin phù hợp với quy định, không sử dụng cấu hình mặc định của các thiết bị.

Tổ chức rà quét lỗ hổng bảo mật Website của Sở. Đồng thời, triển khai phần mềm phòng chống mã độc theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại.

Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao cảnh giác và cách phòng tránh các phần mềm độc hại lây nhiễm, đánh cắp dữ liệu trên máy vi tính cá nhân cho công chức trong thời gian tới.

Nâng cấp hệ thống máy chủ đảm bảo an toàn, trang thiết bị máy tính bảo đảm cài đặt các phần mềm bản quyền để hạn chế tin tặc tấn công lấy dữ liệu.

Đẩy mạnh việc quản lý và sử dụng chữ ký số và các thông tin bí mật, gắn trách nhiệm sử dụng và nêu cáo ý thức cảnh giác phòng tránh phần mềm độc hại làm ảnh hưởng tới thông tin chung đến từng công chức.

g. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; Tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng về an toàn thông tin mạng

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc bảo đảm an toàn an ninh thông tin. Hiểu rõ: An toàn thông tin là sự bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin tránh bị truy cập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin. Trong đó hệ thống thông tin là tập hợp các thiết bị phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu phục vụ mục đích thu thập, xử lý, lưu trữ, trao đổi thông tin; Nguy cơ mất an toàn thông tin là những

nhân tố bên trong hoặc bên ngoài hệ thống thông tin có khả năng ảnh hưởng tới trạng thái an toàn thông tin; Bảo đảm an toàn thông tin bao gồm các hoạt động nhằm bảo vệ tính bảo mật, tính toàn vẹn, tính sẵn sàng của thông tin.

- Tuyên truyền, phổ biến về Luật An toàn thông tin mạng; Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 25/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia; Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

h. Triển khai hoạt động thường trực, điều phối, xử lý, ứng cứu sự cố

Triển khai các hoạt động thuộc trách nhiệm của đơn vị theo quy định tại các Điều 11, Điều 13, Điều 14 và các nội dung liên quan khác của Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia

Dự phòng kinh phí, nhân lực, vật lực thường trực sẵn sàng ứng cứu sự cố; triển khai điều hành phối hợp tổ chức ứng cứu và thực hiện ứng cứu, xử lý, ngăn chặn, khắc phục sự cố khi có sự cố xảy ra.

- Báo cáo sự cố an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg

- Quy trình ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng thông thường và nghiêm trọng theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg

i. Triển khai huấn luyện, diễn tập, phòng ngừa sự cố, giám sát phát hiện, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố

Xây dựng các nội dung, nhiệm vụ cụ thể cần triển khai nhằm phòng ngừa sự cố, giám sát phát hiện, huấn luyện, diễn tập, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố, cụ thể bao gồm:

- Các nội dung, nhiệm vụ nhằm phòng ngừa sự cố và phát hiện sớm sự cố:

Giám sát, phát hiện sớm nguy cơ, sự cố; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng và rà quét, bóc gỡ, phân tích, xử lý mã độc; phòng ngừa sự cố, quản lý rủi ro; nghiên cứu, phân tích, xác minh, cảnh báo sự cố, rủi ro an toàn thông tin mạng, phần mềm độc hại; xây dựng, áp dụng quy trình, quy định, tiêu chuẩn an toàn thông tin; Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về nguy cơ, sự cố, tấn công mạng.

- Các nội dung, nhiệm vụ nhằm bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố

Trang bị, nâng cấp trang thiết bị, công cụ, phương tiện, gia hạn bản quyền phục vụ ứng cứu, khắc phục sự cố; chuẩn bị các điều kiện bảo đảm, dự phòng các nguồn lực và tài chính để sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục khi sự cố xảy ra; tổ

chức hoạt động của đội ứng cứu sự cố; thuê dịch vụ kỹ thuật và tổ chức, duy trì đội chuyên gia ứng cứu sự cố; tổ chức và tham gia các hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố.

4. Giải pháp

a. Chỉ đạo, điều hành

Giám đốc Sở tăng cường chỉ đạo về an toàn thông tin số trong hoạt động của đơn vị. Văn phòng Sở chủ trì, tham mưu trực tiếp với Giám đốc Sở về an toàn thông tin số của đơn vị.

b. Giải pháp môi trường chính sách

Xây dựng, triển khai phân loại về cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống CNTT của đơn vị nhằm bảo đảm về đầu tư, thực hiện tốt các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng CNTT của đơn vị.

Ngoài các kế hoạch, quyết định, văn bản đã ban hành hàng năm và cả giai đoạn của đơn vị, khi những văn bản đó không còn đúng với tình hình thực tế hiện tại thì cần ban hành các văn bản mới để bổ sung các văn bản trước đó hoặc ban hành văn bản mới thay thế các văn bản không còn phù hợp.

Ban hành đầy đủ các quy định nội bộ về công tác bảo đảm an toàn an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với tình hình, an ninh mạng trong tình hình mới.

Xây dựng quy trình và các hướng dẫn thực hiện bảo đảm an toàn thông tin số trong nội bộ cơ quan: Nghiên cứu các quy trình bảo mật và đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người sử dụng hệ thống khi giao tiếp, trao đổi.

c. Giải pháp về tài chính

Ưu tiên nguồn kinh phí đầu tư của tỉnh để triển khai dự án Chính quyền điện tử của tỉnh sau khi Dự án được phê duyệt.

Tranh thủ ngân sách Trung ương hỗ trợ để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về CNTT giai đoạn 2019 - 2020.

Thực hiện lồng ghép các nội dung về ứng dụng, phát triển CNTT trong các chương trình cải cách hành chính và các dự án, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để nâng cao hiệu quả đầu tư.

Đơn vị chủ động về ngân sách cho việc mua sắm trang thiết bị tin học, máy tính, thiết bị mạng nhằm bảo đảm điều kiện tối thiểu cho ứng dụng CNTT của từng cơ quan, đơn vị mình.

Tập trung cho đầu tư khi mua sắm các thiết bị ứng dụng CNTT trọng tâm, trọng điểm dựa trên nguồn kinh phí được cấp hàng năm của đơn vị phù hợp và gắn với thực tế cần thiết của đơn vị.

Trên cơ sở kế hoạch của từng đơn vị trong kế hoạch ngân sách hàng năm, phải có mục chi cho công nghệ thông tin về bảo đảm an toàn thông tin số để thực

hiện các dự án công nghệ thông tin thuộc phạm vi của đơn vị; tự bảo đảm an toàn thông tin số tại đơn vị mình.

d. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính

Tăng cường công tác quản lý về CNTT trong hệ thống đơn vị. Triển khai thực hiện tốt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh bảo đảm tính liên thông, chia sẻ, tích hợp dữ liệu.

Triển khai có hiệu quả Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 – 2020.

Thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính gắn với việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015 và ISO điện tử.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời.

Ban hành các ứng dụng CNTT nhằm giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính.

e. Nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực

Tăng cường đào tạo kỹ năng về ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, nhất là kiến thức về an toàn thông tin mạng; tăng cường đào tạo và truyền thông về sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến: Tổ chức tuyên truyền để cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về lợi ích ứng dụng công nghệ thông tin và tầm quan trọng của của việc bảo đảm an toàn thông tin.

Đặc biệt chú trọng nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo đảm an toàn thông tin trong khai thác sử dụng Internet, trong các giao dịch dịch vụ công trực tuyến với các cơ quan Nhà nước, trong các giao dịch điện tử... để tránh thành nạn nhân mạng cũng như vô tình tiếp tay cho các hoạt động phi pháp của tội phạm mạng.

Tăng cường hợp tác để học tập kinh nghiệm trong nước và quốc tế trong việc bảo đảm an toàn thông tin số.

f. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

Kiện toàn công chức phụ trách CNTT, cho chủ trương đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn. Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của CNTT, an toàn thông tin mạng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bằng nhiều hình thức khác nhau.

Xây dựng triển khai ứng dụng CNTT gắn liền với đảm bảo an toàn thông tin.

Quan tâm đầu tư trang bị thiết bị về an toàn thông tin; xem đầu tư hạng mục an toàn, an ninh thông tin là khoản đầu tư thiết yếu; có kế hoạch mua sắm, trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền; các thiết bị chuyên dụng cho an toàn và bảo mật thông tin; thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị an toàn, bảo mật thông tin.

Tăng cường ký số các loại văn bản điện tử theo quy định nhằm đảm bảo an toàn trong việc trao đổi văn bản điện tử qua môi trường mạng; hệ thống xác thực tài khoản và mã hóa dự liệu…

Tăng cường sử dụng Hộp thư điện tử công vụ hoặc phần mềm Văn phòng điện tử - iOffice để gửi các văn bản, trao đổi công việc trong các cơ quan nhà nước, tuyệt đối không sử dụng các hộp thư điện tử miễn phí (Gmail, Yahoo mail...) nhằm bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin trên môi trường mạng.

Thường xuyên cập nhật các bản vá cập nhật phần mềm từ các nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Ngoài ra, với các tài khoản email, facebook..., cần thay đổi mật khẩu theo định kỳ, hạn chế việc sử dụng email miễn phí, trong trường hợp có đính kèm các tài liệu quan trọng gửi qua email phải đặt mật khẩu để bảo đảm an toàn…

Triển khai giải pháp lưu nhật ký đối với các hệ thống thông tin quan trọng; Đầu tư, trang bị các hệ thống giám sát mạng và cảnh báo sớm các dấu hiệu tấn công mạng. Thiết lập hệ thống sao lưu dự phòng, bảo đảm tránh rủi ro mất dữ liệu khi có sự cố xảy ra.

g. Giải pháp kiểm tra, giám sát

Thường xuyên rà soát tiến độ triển khai kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin số.

Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ về an toàn thông tin số.

Tổ chức đánh giá định kỳ và công bố các báo cáo hàng năm về năng lực đảm bảo an toàn thông tin số đối với các hệ thống thông tin quan trọng.

5. Lộ trình thực hiện

Tùy vào tình hình thực tiễn của cơ quan làm căn cứ xây dựng, triển khai các kế hoạch ứng dụng CNTT.

Xây dựng dự toán hàng năm nhằm bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT theo kế hoạch; tăng cường thuê dịch vụ để triển khai ứng dụng CNTT.

6. Kinh phí thực hiện

- Cần bảo vệ dự toán hàng năm và từng giai đoạn đối với Sở Tài chính để bố trí ngân sách cho đơn vị đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ của dự án theo kế hoạch ứng dụng CNTT.

- Kết hợp kinh phí được cấp từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện Chương trình.

- Sử dụng ngân sách phù hợp để thực hiện các nội dung như: đào tạo về ứng dụng CNTT cho cơ quan, nâng cao năng lực, nhận thức, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, công tác tuyên truyền về ứng dụng CNTT.

7. Tổ chức thực hiện

a. Văn phòng Sở

Chủ trì tham mưu Giám đốc Sở tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến việc thực hiện kế hoạch này; báo cáo đánh giá việc thực hiện kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trong đơn vị.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT trong đơn vị; tham mưu việc tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT tại đơn vị để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT gắn liền với cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử.

Chủ trì, phối hợp với phòng Kế hoạch - Tài chính lập dự toán kinh phí hằng năm để bảo vệ dự toán kinh phí.

Chủ trì tổ chức hướng dẫn về CNTT cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo chuẩn kỹ năng CNTT được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

b. Phòng Kế hoạch – Tài chính

Hằng năm, căn cứ dự toán kinh phí Văn phòng Sở đã lập, phòng Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm bảo vệ dự toán kinh phí với Sở tài chính theo quy định.

Thực hiện lồng ghép các nội dung về ứng dụng, phát triển CNTT trong các chương trình cải cách hành chính và các dự án, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để nâng cao hiệu quả đầu tư.

c. Các phòng chuyên môn thuộc Sở

Tăng cường sử dụng các hệ thống CNTT hiện có, nhất là các phần mềm dùng chung để nâng cao hiệu quả công việc; đẩy mạnh việc dùng chung đối với cơ sở hạ tầng và các ứng dụng CNTT; tăng cường chia sẻ dữ liệu giữa các cá nhân qua hệ thông phần mềm Văn phòng điện tử - iOffice và hệ thống Hộp thư công vụ của tỉnh.

Phối hợp với Văn phòng Sở cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của phòng mình theo đúng lộ trình.

Thực hiện chế độ thông tin báo cáo gửi Văn phòng Sở (khi có yêu cầu).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, kịp thời phản ánh về Văn phòng Sở để tổng hợp, báo cáo trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị năm 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ; } (b/c)
- Sở TT&TT;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng chuyên môn (thực hiện);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH ĐẮK NÔNG

Huỳnh Ngọc Anh